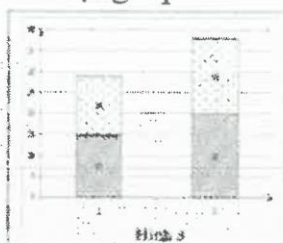
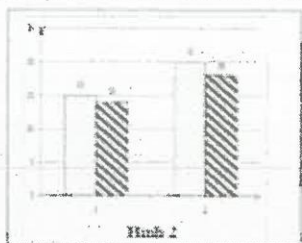
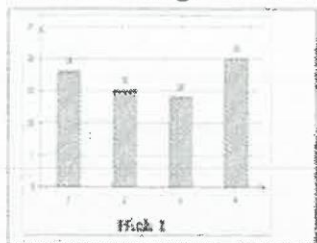


PHẦN I. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm khách quan.

Trong mỗi câu hỏi bên dưới đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy chọn phương án đúng nhất.

Câu 1: Trong các biểu đồ sau, biểu đồ nào là biểu đồ cột ghép



A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Tất cả đáp án trên

Cho bảng thống kê về cân nặng trung bình (đơn vị: ki-lô-gam) của nam, nữ tại một số quốc gia Đông Nam Á như sau:

Quốc gia	Việt Nam	Thái Lan	Malaysia	Indonesia
Nam	61,2	69,8	71,5	61,4
Nữ	54,1	63,3	64,4	56,2

Câu 2: Quốc gia có cân nặng của nam cao nhất là

A. Việt Nam.

B. Thái Lan.

C. Malaysia.

D. Indonesia.

Câu 3: Quốc gia có cân nặng của nữ thấp nhất là

A. Indonesia.

B. Malaysia.

C. Thái Lan.

D. Việt Nam.

Câu 4: Cân nặng trung bình của nữ tại các quốc gia Đông Nam Á trong bảng thống kê trên là :

A. 59 kg

B. 59,5 kg

C. 60,5 kg

D. 60 kg

Câu 5: Nếu tung đồng xu 11 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

A. $\frac{5}{11}$ B. $\frac{6}{11}$ C. $\frac{11}{6}$ D. $\frac{11}{5}$

Câu 6: Nếu tung đồng xu 17 lần liên tiếp, có 6 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

A. $\frac{6}{17}$ B. $\frac{11}{17}$ C. $\frac{17}{6}$ D. $\frac{17}{11}$

Câu 7: Khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau là

A. $\frac{-4}{-9} > 0$ B. $\frac{-3}{15} < \frac{-14}{15}$ C. $\frac{11}{13} < \frac{11}{15}$ D. $\frac{-30}{29} > \frac{9}{29}$

Câu 8: Kết quả phép tính $\frac{1}{7} - \left(\frac{-6}{7} - \frac{3}{5} \right)$ là

A. $2\frac{3}{5}$.B. $1\frac{3}{5}$.C. $-\frac{8}{5}$.D. $-\frac{13}{5}$.

Câu 9: Cho $\frac{x}{-6} = \frac{-10}{30}$. Giá trị của x bằng

A. -5.

B. 5.

C. -2.

D. 2.

Câu 10: Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số $\frac{5}{10}$?

A. $\frac{5}{-10}$ B. $\frac{-5}{10}$ C. $\frac{-1}{-2}$ D. $\frac{10}{5}$

Câu 11: Điểm A không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

- A. $d \in A$ B. $A \in d$ C. $A \notin d$ D. $A \subset d$
Câu 12: Cho điểm B nằm giữa hai điểm A và C. Biết $AB = 3\text{cm}$, $AC = 8\text{cm}$. Độ dài $BC = ?$
A. 5cm B. 11cm C. 4cm D. 6cm

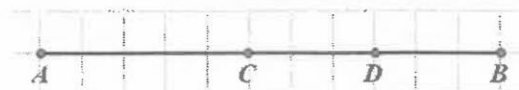
PHẦN II. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng-sai.

Câu 13: Một hộp có chứa 9 chiếc thẻ cùng loại, trong đó các thẻ đánh số 1, 2, 3 có màu đỏ; các thẻ được đánh số 5 hoặc 7 có màu xanh; các thẻ đánh số 6, 8, 9, 10 có màu vàng. Lấy ngẫu nhiên một chiếc thẻ trong hộp. Khẳng định nào đúng, khẳng định nào sai?

- a) Khi lấy ngẫu nhiên một chiếc thẻ trong hộp thì các kết quả có thể xảy ra đối với số xuất hiện trên thẻ được lấy ra là: 1; 2; 3; 5; 6; 7; 8; 9; 10.
b) Khi lấy ngẫu nhiên một chiếc thẻ trong hộp thì các kết quả có thể xảy ra đối với màu của thẻ được lấy ra là: 1; 2; 3; 6; 7; 8; 9; 10.
c) Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của thẻ vàng là {6; 8; 9; 10}.
d) Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của thẻ đỏ là {1; 2; 4}.

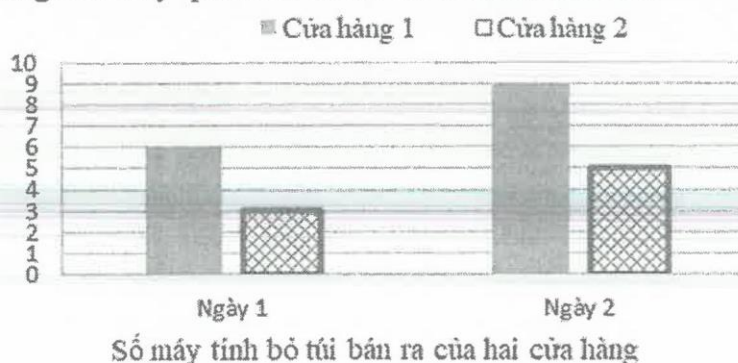
Câu 14: Cho hình vẽ sau: Trên đoạn thẳng AB lấy hai điểm A, D sao cho: $AC = 5\text{cm}$, $AD = 8\text{cm}$, $AB = 11\text{cm}$. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng, khẳng định nào sai?

- a) Điểm A và B nằm cùng phía so với điểm D.
b) Độ dài đoạn thẳng $CB = 6\text{cm}$.
c) Điểm D là trung điểm của đoạn thẳng CB.
d) Độ dài đoạn thẳng $DB = \frac{1}{2}AB$.



PHẦN III. Tự luận. (5,0 điểm)

Câu 15: (1 điểm) Cho Biểu đồ thống kê số máy tính bỏ túi được bán ra trong hai ngày của hai cửa hàng. Em hãy quan sát và trả lời các câu hỏi sau:



- a) Trong hai ngày, mỗi cửa hàng đã bán được bao nhiêu máy tính bỏ túi?
b) Trong hai ngày, cửa hàng nào bán được số máy tính bỏ túi nhiều hơn? Nhiều hơn bao nhiêu máy?

Câu 16: (1,5 điểm) Trong giờ kiểm tra HKI môn toán, lớp 6A không có học sinh nào vắng mặt. Tổng kết điểm của bài kiểm tra đó được cho ở bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	1	2	1	1	6	7	8	4	6	4

- a) Tính số học sinh lớp 6A
b) Tính tỉ số học sinh đạt điểm từ 5 trở lên so với số học sinh cả lớp?

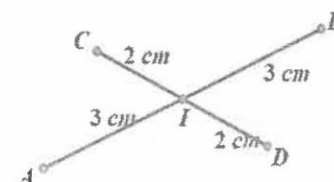
Câu 17: (1,75 điểm)

- a) Thực hiện phép tính: $\frac{7}{18} + \frac{4}{3} + \frac{5}{-18}$

- b) Tìm x, biết: $\frac{2}{15} - x = \frac{5}{6}$

Câu 18. (0,75 điểm) Cho hình vẽ sau:

- a) Điểm I là trung điểm của những đoạn thẳng nào? Vì sao?
b) So sánh đoạn thẳng IA và đoạn thẳng ID?



ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ KT GIỮA KÌ 2 TOÁN 6 ĐT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	B	C	D	B	A	B	A	B	D	C	C	A

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng-sai. (2,0 điểm)

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm

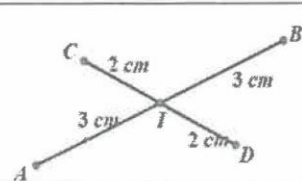
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong câu hỏi được 0,5 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong câu hỏi được 1,0 điểm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 13	a)	b)	c)	d)
Chọn	Đ	S	Đ	S

Câu 14	a)	b)	c)	d)
Chọn	S	Đ	Đ	S

PHẦN III. Tự luận. (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm	
15 (1 đ)	a) Trong 2 ngày, cửa hàng 1 bán được: $6 + 9 = 15$ (máy)	0.25	
	Trong 2 ngày, cửa hàng 2 bán được: $3 + 5 = 8$ (máy)	0.25	
	b) Trong hai ngày, cửa hàng 1 bán được số máy tính bỏ túi nhiều hơn cửa hàng 2.	0.25	
	Số máy tính bỏ túi cửa hàng 1 bán nhiều hơn cửa hàng 2 là: $15 - 8 = 7$ (máy)	0.25	
16 (1.5đ)	a) Số học sinh lớp 6A	0.25	
	$1 + 2 + 1 + 1 + 6 + 7 + 8 + 4 + 6 + 4 = 40$ (học sinh)	0.25×2	
	b) Số học sinh đạt điểm từ 5 trở lên của lớp 6A là:	0.25	
	$6 + 7 + 8 + 4 + 6 + 4 = 35$ (hs)	0.25×2	
17 (1.75đ)	a) Thực hiện phép tính: $\frac{7}{18} + \frac{4}{3} + \frac{5}{-18}$		
	$\frac{7}{18} + \frac{4}{3} + \frac{5}{-18} = \left(\frac{7}{18} + \frac{-5}{18}\right) + \frac{4}{3} = \frac{1}{9} + \frac{4}{3}$	0.25×2	
	$= \frac{1}{9} + \frac{12}{9} = \frac{13}{9}$	0.25×2	
	b) Tìm x, biết: $\frac{2}{15} - x = \frac{5}{6}$		
	$x = \frac{2}{15} - \frac{5}{6} = \frac{4}{30} - \frac{25}{30} = \frac{-21}{30} = \frac{-7}{10}$	0.25×3	
18 (0.75đ)	Cho hình vẽ sau: a) Điểm I là trung điểm của những đoạn thẳng nào? Vì sao? b) So sánh đoạn thẳng IA và đoạn thẳng ID?		
	a) I là trung điểm của đoạn thẳng AB vì I nằm giữa hai điểm A, B và $IA = IB = 3\text{cm}$	0.25	
	I là trung điểm của đoạn thẳng CD vì I nằm giữa hai điểm C, D và $IC = ID = 2\text{cm}$	0.25	
	b) Ta có : $IA = 3\text{cm}$; $ID = 2\text{cm}$ Vì $2 < 3$, nên $ID < IA$	0.25	

Câu 10: Để phân số $A = \frac{-5}{n-2}$ nhận giá trị nguyên dương thì n cần tìm là:

- A. $n \in \{-3; -1; -7; 3\}$ B. $n \in \{1; 3; -3; 7\}$ C. $n \in \{-1; 7\}$ D. $n \in \{-3; 1\}$

Câu 11: Cho M là trung điểm của đoạn AB . Lấy điểm I nằm giữa hai điểm M và B . Biết $AB = 10$ cm, $IB = 3$ cm. Thì độ dài của đoạn thẳng IM bằng:

- A. 3 cm B. 2 cm C. 5 cm D. 7 cm

Câu 12: Cho 50 điểm phân biệt, trong đó có 15 điểm thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ được một đường thẳng. Vậy số đường thẳng có thể vẽ được là:

- A. 1225 B. 1226 C. 1121 D. 1120

PHẦN II. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng-sai.

Câu 13:

- a) Phân số lớn hơn số 0 gọi là phân số dương
b) Phân số âm nhỏ hơn phân số dương
c) Muốn cộng hai phân số cùng mẫu ta cộng các tử với nhau và cộng các mẫu với nhau
d) Nếu $\frac{a}{b} < \frac{c}{d}$ và $\frac{c}{d} < \frac{m}{n}$ thì $\frac{a}{b} < \frac{m}{n}$

Câu 14:

- a) Nếu $MA = MB$ thì điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB .
b) Có vô số điểm cùng thuộc một đường thẳng.
c) Hai đường thẳng phân biệt thì song song.
d) Nếu ba điểm cùng thuộc một đường thẳng thì ba điểm đó thẳng hàng.

PHẦN III. Tự luận. (5,0 điểm)

Câu 15: Một xạ thủ thi bắn súng. Số điểm đạt được sau mỗi lần bắn được ghi lại như sau:

9	7	9	10	9	9	10	8	7	9
10	8	10	7	9	8	8	8	9	8
10	9	9	10	10	10	9	9	9	10

- a) Xạ thủ đạt số điểm nào nhiều nhất? Bao nhiêu lần đạt điểm đó?
b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ đạt điểm 10 sau mỗi lần bắn.

Câu 16: Một hộp có 4 chiếc kẹo, trong đó có 1 chiếc kẹo màu hồng, 1 chiếc kẹo màu xanh, 1 chiếc kẹo màu vàng và 1 chiếc kẹo màu cam; các chiếc kẹo có kích thước như nhau. Lấy ngẫu nhiên một chiếc kẹo trong hộp.

- a) Nêu những kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc kẹo được lấy ra.
b) Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc kẹo được lấy ra.
c) Nêu hai điều cần chú ý trong mô hình xác suất của trò chơi trên.

Câu 17: (1,75 điểm)

- a) Tìm số nguyên x, y , biết (0,75 điểm): $\frac{x}{15} - \frac{1}{y} = 0$ và $x > y > 0$

- b) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể) (1 điểm):

$$A = \frac{50}{100} + \frac{14}{21} - \frac{31}{62} - \frac{-15}{45} + \frac{-27}{45} - \frac{-216}{135}$$

Câu 18: (0,75 điểm) Vẽ hình theo cách diễn đạt sau

- Vẽ ba đường thẳng đôi một cắt nhau, gọi ba giao điểm là M, N, P .
- Qua điểm M vẽ đường thẳng a cắt đoạn thẳng NP tại Q và đường thẳng b cắt đường thẳng NP tại H sao cho H và P nằm khác phía đối với N .
- Trên hình có bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ TOÁN 6 TN

PHẦN I. Câu trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	B	A	D	C	B	A	D	C	A	D	B	C

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng-sai. (2,0 điểm)

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm

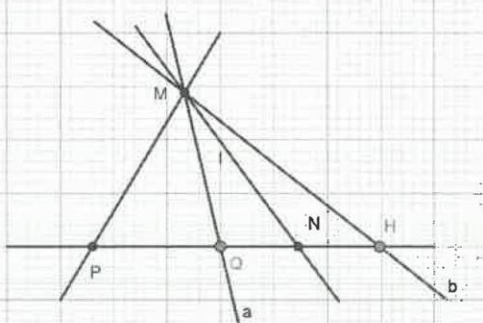
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong câu hỏi được 1,0 điểm.

Câu 13	a)	b)	c)	d)
Chọn	Đ	Đ	S	S

Câu 14	a)	b)	c)	d)
Chọn	S	Đ	S	Đ

PHẦN III. Tự luận. (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
15 (1đ)	a) Xạ thủ đạt số điểm 9 nhiều nhất	0.25
	-Số lần xạ thủ đạt điểm 9 là: 12 lần.	0.25
	b) Số lần xạ thủ đạt điểm 10 là: 9 lần. Số lần bắn của xạ thủ là: 30 lần	0.25
	Xác suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ đạt điểm 10 sau mỗi lần bắn là: $\frac{9}{30} = \frac{3}{10}$	0.25
16 (1.5đ)	a) Lấy ngẫu nhiên một chiếc kẹo trong hộp thì có thể xảy ra các trường hợp sau: <i>chiếc kẹo lấy ra màu hồng, chiếc kẹo lấy ra màu xanh, chiếc kẹo lấy ra màu vàng và chiếc kẹo lấy ra màu cam.</i>	0.5
	b) Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc kẹo được lấy ra là: {H; X; V; C}. Ở đây, H kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu hồng; X kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu xanh, V kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu vàng, C kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu cam.	0.5
	c) Hai điều cần lưu ý trong mô hình xác suất trò chơi trên là: - Lấy ngẫu nhiên một chiếc kẹo; - Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc kẹo được lấy ra là {H; X; V; C}. Ở đây, H kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu hồng; X kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu xanh, V kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu vàng, C kí hiệu cho kết quả lấy được chiếc kẹo màu cam.	0.5
17 (1.75đ)	a) Tìm số nguyên x biết: $\frac{x}{15} - \frac{1}{y} = 0$ và $x > y > 0$	
	Ta có $\frac{x}{15} - \frac{1}{y} = 0$	
	$\frac{x}{15} = \frac{1}{y}$	0.25

	$x.y = 15$							
	$\Rightarrow x,y \in U(15) = \{1;-1;3;-3;5;-5;15;-15\}$	0.25						
	Mà $x > y > 0$ Ta có bảng sau	0.25						
	<table border="1"><tr><td>x</td><td>15</td><td>5</td></tr><tr><td>y</td><td>1</td><td>3</td></tr></table>	x	15	5	y	1	3	
x	15	5						
y	1	3						
	b) $A = \frac{50}{100} + \frac{14}{21} - \frac{31}{62} - \frac{15}{45} + \frac{-27}{45} - \frac{-216}{135}$							
	$= \frac{1}{2} + \frac{2}{3} - \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{-3}{5} - \frac{-8}{5}$	0.25						
	$= \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{2}\right) + \left(\frac{2}{3} - \frac{1}{3}\right) + \left(\frac{-3}{5} - \frac{-8}{5}\right)$	0.25						
	$= 0 + 1 + 1$	0.25						
	$= 2$	0.25						
18 (0.75đ)								
	Vẽ được 3 đường thẳng cắt nhau tạo ra 3 giao điểm	0.25						
	Xác định được 2 điểm Q và H	0.25						
	Kê tên đúng 10 đoạn thẳng	0.25						